TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2021/HS-ST
Ngày 12 tháng 3 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁNNHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Thành
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Ngọc TH; Ông Nguyễn Xuân Đào.
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị V2 Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2021 đốivới các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn T**- sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu P, xã K, huyện CK, tỉnh Phú Thọ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;Văn hoá: 12/12. Nghề nghiệp: Kinh doanh;Bố đẻ: Lê Đức B- sinh năm 1956; Mẹ đẻ: Hoàng Thị H- sinh năm 1957; Bố, mẹ đều ở khu N, xã K, huyện CK, tỉnh Phú Thọ;Vợ: Phạm Thị V2 A- sinh năm 1990; Lao động tự do; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017;Vợ, con đều ở xã K, huyện CK, tỉnh Phú Thọ; Anh chị em ruột: gia đình có 4 người, bị cáo là thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2008/HSST ngày 29/7/2008 của Tòa án nhân dân huyện CK xử T 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội"Đánh bạc". Bị cáo chấp hành xong Bản án ngày 25/3/2013.

Bị cáo bỏ trốn, bị Cơ quan điều tra truy nã ngày 18/5/2020, bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/8/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công A1 tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn D**- sinh năm 1988;Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu 3, xã TX, huyện CK, tỉnh Phú Thọ;Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa;Văn hoá: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do;Bố đẻ: Nguyễn Quang Đ- sinh năm 1955;Mẹ đẻ: Mai Thị T- sinh năm 1958;Vợ: Lê Lan N- sinh năm 1999; Lao động tự do;Con: có 01 con sinh năm 2018; Hiện bố, mẹ, vợ, con đều ở xã TX, huyện CK, tỉnh Phú Thọ; Anh chị em ruột: gia đình có 7 người, bị cáo là thứ ba.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2010/HSST ngày 12/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xử D 07 năm tù về tội"Cướp tài sản"

và 01 năm tù về tội "Bắt người trái pháp luật", tổng là 8 năm tù. Bị cáo được đặc xá tháng 5/2013, chấp hành xong hình phạt khác năm 2010.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam- Công A1 tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn S** - sinh năm 1983; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu N, xã K, huyện CK, tỉnh Phú Thọ;Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;Văn hoá: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do;Bố đẻ: Nguyễn Văn X- sinh năm 1934;ở K- CK;Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L- đã chết; Vợ: Lê Thị V- sinh năm 1983; Lao động tự do; Con: có 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2019;Vợ, con đều ở xã K, huyện CK, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Anh chị em ruột: gia đình có 10 người, bị cáo là thứ mười.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam- Công A1 tỉnh Phú Thọ.

4. Họ và tên: **Hà Duy H** - sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu Gò Đình, xã Hùng Việt, huyện CK, tỉnh Phú Thọ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;Văn hoá: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do;Bố đẻ: Hà Văn NG - sinh năm 1957; Mẹ đẻ: Phạm Thị H- sinh năm 1958;Vợ - con: chưa có;Hiện bố, mẹ đều ở xã H, huyện CK, tỉnh Phú Thọ;Anh chị em ruột: gia đình có 4 người, bị cáo là thứ tư.

Tiền sự: không.

Tiền án: 01:Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HSST ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ xử phạtH 24 tháng tù về tội"Cố ý gây thương tích". Bị cáo ra trại tháng 01/2020, nộp án phí tháng 12/2018.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công A1 tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn A** - sinh năm 1995; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu 1, xã TX, huyện CK, tỉnh Phú Thọ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không;Văn hoá: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Văn PH- sinh năm 1971;Mẹ đẻ: Hoàng Thị N- sinh năm 1970;Vợ- con: chưa có;Hiện bố, mẹ đều ở xã TX, huyện CK, tỉnh Phú Thọ;Anh chị em ruột: gia đình có 2 người, bị cáo là thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam- Công A1 tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn TH** - sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: thôn HQ, xã MQ, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Chỗ ở: khu N, xã K, huyện CK, tỉnh Phú Thọ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;Văn hoá: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Văn TY - sinh năm 1960;Mẹ đẻ: Đỗ Thị V1- sinh năm 1961;Vợ- con: chưa có; Hiện bố, mẹ đều ở xã MQ - Y - Yên Bái; Anh chị em ruột: gia đình có 2 người, bị cáo là thứ hai.

Tiền sự: không.

Tiền án: 01:Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2018/HSST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử TH 06 tháng tù nH cho hưởng án treo về tội

"Cưỡng đoạt tài sản" kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Chấp hành xong Bản án tháng 9/2019.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam- Công A1 tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D:*

Ông Lê Văn C – Luật sư Công ty luật Hoàng L P&T, đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Địa chỉ: số nhà 2412 Đại lộ Hùng Vương, V2 Cơ, Việt Trì, Phú Thọ.

** Người bị hại:*

Anh Nguyễn Phi TR, sinh năm 1983

Địa chỉ: số 31, phố H, phường Nguyễn T, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Vi Thị Bích TI, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu 8, thị trấn CK, huyện CK, tỉnh Phú Thọ.Vắng mặt.

2. Anh Đinh Xuân CH, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu Tân Hoa, xã Đồng Thịnh, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

3. Anh Đỗ Văn An, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu 2, xóm Đỗ, xã Tình Cương, huyện CK, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

4. Anh Đinh Quang H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu 3, xóm Chùa, xã Hùng Việt, huyện CK, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992,

Địa chỉ: Khu Hùng Nhĩ, thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

6. Anh Trần Văn L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu 5, xã Phương Xá, huyện CK, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

7. Chị Lê Thị V2, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu N, xã K, huyện CK, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Môi TR Công nghiệp xanh có địa chỉ ở tổ Xuân Mai 1, phường Phúc TH, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do ông Đỗ Viết Bình là Giám đốc, đăng ký kinh doanh số 0102169887 đăng ký lần đầu ngày 15/02/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 10/10/2016; thành lập Chi nhánh *Trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải- Chi nhánh Công ty TNHH môi TR Công nghiệp xanh* đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07/5/2018, Công ty được Bộ tài nguyên và môi TR cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại lần đầu ngày 26/9/2018.

Ngày 01/02/2020, Công ty TNHH Môi TR CN xanh ký kết Hợp đồng chuyển giao trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải với Công ty TNHH

LeehoVina, có địa chỉ ở Lô CN01, khu Công nghiệp CK, xã Sai Nga, huyện CK, tỉnh Phú Thọ, giá xử lý chất thải là: 3.100đ/1kg. Công ty TNHH Môi TR Công nghiệp xanh giao cho anh Nguyễn Phi TR- sinh năm 1983, có hộ khẩu thường trú tại: số 31, phố Hàng Than, phường Nguyễn Trung Trực, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội tổ chức thực hiện việc thu gom rác tại Công ty LeehoVina.

Công ty TNHH Mạnh Trình có địa chỉ ở khu S Hà, thị trấn CK, huyện CK, tỉnh Phú Thọ (trụ sở đặt tại đầu đường vào Khu công nghiệp CK) do ***Lê Văn T*** - sinh năm 1982, ở khu P, xã K, huyện CK là Giám đốc còn ***Nguyễn Văn S***- sinh năm 1983, ở khu N, xã K, huyện CK là Phó Giám đốc (S là em rể của T, lấy em gái ruột T), ngoài ra Công ty có 02 thành viên nữa là chị Hoàng Thị Thuận- Kế toán theo thời vụ và chị Vũ Thị Lan Hương- tạp vụ. Công ty Mạnh Trình được cấp phép kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng, cung cấp vật liệu xây dựng… nH không có chức năng xử lý rác thải nguy hại. Công ty Mạnh Trình không có nhà xưởng, máy móc, công nhân, khi cần thì mới đi thuê đơn vị khác.

Do dịch bệnh COVID-19, nên từ tháng 02/2020 đến tháng 4/2020, Công ty TNHH Môi TR Công nghiệp xanh không đi thu gom rác tại Công ty Leeho. Tháng 5/2020, Công ty TNHH Môi TR Công nghiệp xanh triển khai việc thu gom rác nên anh TR đã đưa xe chở rác chuyên dụng và công nhân đến Công ty TNHH LeehoVina để thu gom rác theo Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Ngày 05 và 06/5/2020, Công ty MTX thu gom được 06 xe rác.

Sáng ngày 07/5/2020, anh TR điều tiếp 04 xe ô tô tải đến Công ty LeehoVina để chở nốt số rác còn lại, trong quá trình bốc rác tại Công ty Leeho, anh TR nhiều lần nhận được các cuộc điện thoại từ số: 0982.77.9999 của Lê Văn T (03 cuộc); số thuê bao 0865.06.5555 của ***Nguyễn Văn D*** - sinh năm 1988, ở khu 3, xã TX, huyện CK (là "đàn em" của T - 05 cuộc) và từ số thuê bao 0989.165.846 của Nguyễn Văn S có lời lẽ đe dọa buộc anh TR phải trích lại cho Công ty Mạnh Trình 15% giá trị rác thải mà Công ty MTX thu gom được từ ngày 05 đến ngày 07/5/2020 tại Công ty Leeho, nếu không đồng ý trích lại thì phải dừng việc bốc rác, cho người rút khỏi Công ty LeehoVina, nếu tiếp tục làm sẽ bị người của Công ty Mạnh Trình chặn không cho ra khỏi cổng Công ty Leeho và khu công nghiệp Sai Nga.

Do lo sợ ảnh hưởng đến gia đình, vợ con anh TR và sợ các xe rác không ra được khỏi khu công nghiệp nên anh TR đã đồng ý vào trong Công ty Mạnh Trình để gặp và nói chuyện với S, trong thời gian nói chuyện, S tiếp tục yêu cầu anh TR phải trích lại 15% giá trị rác thải Công ty Môi TR xanh thu gom được từ ngày 05-07/5/2020, tương đương số tiền 15.000.000đ, anh TR đưa cho S 10.000.000đ nH do không đủ theo yêu cầu nên S không nhận, lúc này Cơ quan Công A1 vào bắt quả tang các đối tượng. Thu giữ các đồ vật, tài liệu, gồm: tiền Việt Nam: 10.000.000đ; điện thoại di động của các bị cáo; 02 xe ô tô bán tải; 01 xe ô tô Fortuner và nhiều đồ vật, tài liệu khác.

Khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Nguyễn Văn S tại Công ty TNHH thương mại Mạnh Trình, Cơ quan điều tra thu giữ nhiều đồ vật, tài liệu, trong đó có: **02** con dao dạng đao dài 0,88m; **01** ống kẽm hình trụ tròn dài 1m, đường kính 0,025m có 02 đầu bằng; **02** ống kẽm kim loại hình trụ tròn dài 1m, một đầu bằng, 1 đầu nhọn, đường kính 0,02m; **02** ống kẽm kim loại hình dạng giống nhau màu xám

dài 1,5m đường kính 0,25dm một đầu bằng một đầu gắn con dao nhọn dài 0,22m, lưỡi dao sắc, chỗ rộng nhất 0,07m; **01** con dao dạng đao dài 0,88m; 08 biển kiểm soát, gồm: 02 chiếc 19D-015.72; 02 chiếc 29C-938.66; 02 chiếc 29C-938.68; 01 chiếc 19H1-138.61; 01 chiếc 61D1-297.62; 01 ổ cứng lưu trữ dữ liệu camera và nhiều đồ vật, tài liệu của Công ty Mạnh Trình.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai báo như sau:

Đầu năm 2020, Lê Văn T chỉ đạo Nguyễn Văn S phải thu tiền của các Công ty muốn thu gom rác thải tại khu công nghiệp thì phải trích lại số tiền tương ứng tỷ lệ 15% giá trị các hợp đồng (gọi là tiền "phế" hoặc tiền % hoa hồng).

Tối ngày 06/5/2020, Nguyễn Văn S nói chuyện với anh Nguyễn Cao Cường- sinh năm 1984, ở số 28I, khu 11, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì- là nhân viên phòng kinh doanh của Công ty LeehoVina (do S quen Cường từ trước) thì được biết Công ty Môi TR xanh đã đến Công ty Leeho thu gom rác được 02 ngày, và ngày mai (tức là ngày 07/5/2020) Công ty Môi TR xanh sẽ thu gom hết số rác thải còn lại.

Sáng ngày 07/5/2020, Lê Văn T gọi điện chỉ đạo Nguyễn Văn D đến Công ty Leeho để gây áp lực, chặn các xe chở rác không cho thu gom. Sau đó, D gọi điện cho ***Hà Duy H***- sinh năm 1990, có hộ khẩu thường trú tại: khu Gò Đình, xã Hùng Việt, huyện CK, hiện đang sinh sống tại nhà anh Lê Khánh Trình- sinh năm 1987, ở khu N, xã K, huyện CK (Trình là em ruột của Lê Văn T) và ***Nguyễn Văn A***- sinh năm 1995, ở khu 1, xã TX, huyện CK đi ăn sáng và có việc; đồng thời, D bảo H gọi ***Nguyễn Văn TH***- sinh năm 1992, có hộ khẩu ở thôn Hòa Quân, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái hiện đang ở với H đi cùng. H biết D là "đàn em" thân tín của T và Trình nên H nghe theo và gọi thêm Nguyễn Đình Nhất- sinh năm 2000, hộ khẩu: thôn Nam, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội (còn gọi là "đầu to") cùng đi đến cổng khu công nghiệp. H điều khiển xe ô tô bán tải Ford Ranger màu cam, BKS: 19C-108.01 trên xe có TH và Nhất đến quán ăn sáng gần cổng khu công nghiệp thì gặp D điều khiển xe ô tô bán tải Nisan Navara màu cam, BKS: 29C-120.91 trên xe có Văn Anh. Trong khi ăn sáng, D bảo cả nhóm ăn xong đến cổng Công ty LeehoVina để đe dọa, ngăn cản không cho xe rác của Công ty Môi TR xanh làm việc, nếu muốn tiếp tục làm thì phải thương lượng và làm theo yêu cầu của Công ty Mạnh Trình, cụ thể là gặp và nói chuyện với Nguyễn Văn S- Phó Giám đốc.

Sau khi ăn sáng xong, D điều khiển xe ô tô bán tải Ford màu cam, BKS: 19C-108.01 chở theo H và Văn Anh; TH điều khiển xe ô tô bán tải Nissan Navara màu cam, BKS: 29C-120.91 chở theo Nhất cùng đi đến đỗ sát cổng Công ty LeehoVina, cả nhóm xuống xe yêu cầu và đe dọa bảo vệ Công ty LeehoVina phải mở cửa cho vào để nói chuyện với người của Công ty Môi TR xanh, do bảo vệ Công ty Leeho lo sợ các đối tượng này vào sẽ cãi chửi hoặc đánh nhau với Công ty Môi TR xanh nên không mở cổng. Do vậy, các đối tượng tiếp tục đỗ xe ở ngoài, thỉnh thoảng đi qua đi lại trước cổng Công ty Leeho, khi nào có xe chở rác từ trong Công ty đi ra cổng thì các đối tượng lái xe đỗ chặn ngang trước cổng Công ty Leeho nhằm mục đích không cho các xe chở rác ra ngoài.

Trong thời gian này, S gọi điện cho anh TR yêu cầu phải trích lại cho Công ty Mạnh Trình 15% giá trị rác thải khai thác tại Công ty LeehoVina nH anh TR chỉ

đồng ý mức 7%, nên S đã gọi điện báo cáo cho Lê Văn T biết, T trả lời S: *"để đấy cho anh"*, sau đó T đã gọi điện cho anh TR đe dọa, buộc anh TR phải trích lại 15% giá trị rác thải nếu không phải rút khỏi Công ty LeehoVina, và dọa anh TR sẽ gây ảnh hưởng đến vợ con anh TR.

Khoảng 12 giờ ngày 07/5/2020, công nhân bốc rác nghỉ nên nhóm của D quay về Công ty Mạnh Trình, đến đầu giờ chiều, D thấy công nhân tiếp tục bốc rác nên đã gọi điện cho Lê Văn T xin số điện thoại anh TR. T sử dụng số điện thoại 0971.768.666 (D lưu trong danh bạ là "A T 2") nhắn tin cho D 02 tin nhắn có nội dung ***"0986.145.803"*** là số điện thoại của anh TR. Sau đó, D đã gọi cho anh TR 05 cuộc điện thoại có nội dung đe dọa anh TR như nêu trên. Khoảng gần 16 giờ cùng ngày, anh TR đã phải đồng ý vào Công ty Mạnh Trình gặp Nguyễn Văn S để nói chuyện, đi cùng anh TR có anh Nguyễn Anh Quân- sinh năm 1993, ở xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Quá trình nói chuyện, S yêu cầu anh TR phải trích 15% giá trị rác thải thu gom được tại Công ty LeehoVina trong 3 ngày từ 05/5-07/5/2020, tương đương với số tiền 15.000.000đ (S căn cứ vào phiếu cân xe của khu công nghiệp) tuy nhiên TR không có đủ nên đưa cho S 10.000.000đ. Do không đủ tiền nên S không nhận, TR đã để số tiền 10.000.000đ trên bàn uống nước. Trong thời gian trao đổi, do nghi ngờ anh Quân ghi âm cuộc nói chuyện nên S nhắn tin bảo D vào kiểm tra với nội dung: *"Hay e Bảo dua nào vào kt ra"- "Thằng áo xanh ghi âm thì phải"*. Ngay sau đó, D dẫn theo Nguyễn Văn A và Hà Duy H vào trong phòng khách của Công ty Mạnh Trình, D tiến đến chỗ anh Quân, lục túi quần và hỏi *"mày làm gì đấy"*; anh Quân đứng dậy định đi thì D đẩy anh Quân ngồi xuống ghế và quát: *"mày ngồi xuống đấy"*. Lúc này, phòng Cảnh sát hình sự- Công A1 tỉnh Phú Thọ tiến vào bắt quả tang như đã nêu trên.

Đối với bị cáo Lê Văn T, sau khi xự việc xảy ra đã bỏ trốn khỏi địa phương.Ngày 18/5/2020, Cơ quan điều tra đã truy nã bị cáo, đến ngày 24/8/2020 bị cáo Lê Văn T ra đầu thú.

Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công A1 tỉnh Phú Thọ đã tiến hành giám định âm thanh đối với giọng nói của Lê Văn T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn S trong đoạn ghi âm do anh TR cung cấp từ các cuộc điện thoại nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 6356/C09-P6 ngày 03/11/2020 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công A1 kết luận:

"- Không phát hiện dấu vết cắt ghép chỉnh sửa nội dung trong các file mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người nói giọng nam xưng "tao" (ký hiệu "Thơ" trong bản dịch nội dung ghi âm cần giám định) trong các file "FILE_20200508_083222_Ghi âm cuộc gọi 0982779999_200507_11030.m4a; FILE_20200508_083222_Ghi âm cuộc gọi 0982779999_200507_11165.m4a; FILE_20200508_083222_Ghi âm cuộc gọi 0982779999_200507_15281.m4a; FILE_20200508_105856_Ghi âm cuộc gọi 0982779999_200507_11154.m4a" mẫu cần giám định và tiếng nói của Lê Văn T trong mẫu so sánh là của cùng một người."

- Tiếng nói của người nói giọng nam (ký hiệu "S" trong bản dịch nội dung ghi âm cần giám định) trong file "FILE_20200508_083222_Ghi âm cuộc gọi 0989165846_200507_10241.m4a" mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Văn S trong mẫu so sánh là của cùng một người."

- Tiếng nói của người nói giọng nam xưng "tao" (ký hiệu "D" trong bản dịch nội dung ghi âm cần giám định) trong các file:
"FILE_20200508_083222_Ghi âm cuộc gọi 0865065555_200507_13400.m4a; FILE_20200508_083222_Ghi âm cuộc gọi 0865065555_200507_13432.m4a; FILE_20200508_083222_Ghi âm cuộc gọi 0865065555_200507_13454.m4a; FILE_20200508_083222_Ghi âm cuộc gọi 0865065555_200507_13485.m4a; FILE_20200508_083222_Ghi âm cuộc gọi 0865065555_200507_14410.m4a;" mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Văn D trong mẫu so sánh là củacùng một người.

- Nội dung tiếng nói trong các file mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản."

Về hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Nguyễn Văn D là cửa hàng cầm đồ Trình Bình ở xã Phú Lạc, huyện CK, thu giữ 02 két sắt và nhiều tài liệu khác. Cơ quan điều tra tiến hành mở niêm phong 02 chiếc két sắt phát hiện và thu giữ 02 quyển sổ bìa màu xanh bên trong D ghi theo dõi việc vay tiền và trả lãi của khách. Trong đó, Cơ quan điều tra đã xác minh D có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với nhiều người với mức lãi suất từ 3.000đ-6.000đ/1 triệu/1 ngày.

Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì mức lãi suất trong giao dịch dân sự giữa các bên cho vay không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Theo tỷ lệ này, mức lãi suất không được vượt quá tương đương với mức 1,66667%/tháng của khoản tiền vay, và tương đương với mức lãi 0,055556%/ 1 ngày của khoản tiền vay.

Theo quy định của Điều 201 Bộ luật hình sự, thì: *"Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm"*.

Để xử lý tội phạm theo Điều 201 BLHS thì cần đạt 02 điều kiện:

Điều kiện thứ nhất: mức lãi suất cho vay gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS, tức là 5 x 20%/năm = 100%/năm, tương đương mức 8,3333%/1 tháng; tương đương 0,27777%/ ngày. Nếu vượt quá mức lãi suất nêu trên là đạt vi phạm điều kiện thứ nhất.

Điều kiện thứ hai: thu lợi bất chính từ 30.000.000đ…, tức là khi đã đạt điều kiện thứ nhất, mức lãi suất từ trên 20%/năm trở lên, số tiền thu lời vượt quá 20%/năm mà đạt từ 30.000.000đ trở lên là đạt vi phạm điều kiện thứ hai.

Như vậy, với mức lãi suất D cho người khác vay là từ 3.000đ-6.000đ/1 triệu/1 ngày,tương đương với mức lãi suất 0,3%/1 ngày, vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (0,27777%/ngày) đã đủ điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự.

Từ các căn cứ pháp luật nêu trên, Cơ quan CSĐT- Công A1 tỉnh Phú Thọ đã chứng minh hành vi phạm tội của Nguyễn Văn D như sau:

Nguyễn Văn D mở cửa hàng kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại xã Phú Lạc, huyện CK và cho người khác vay tiền với lãi suất cao.Mứclãi suất D cho người khác vay là 3.000đ-6.000đ/1 triệu/1 ngày tùy vào mối quan hệ với khách vay.Hình thức cho vay chủ yếu là tín chấp.

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2018 đến ngày 07/5/2020, Nguyễn Văn D đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

Người vay thứ 1: Chị Vi Thị Bích TI- sinh năm 1980, ở khu 8, thị trấn CK, huyện CK, tỉnh Phú Thọ.

Khoảng tháng6/2018, chị TI vay của D số tiền: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng),lãi suất vay là: 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Như vậy, mỗi tháng chị TI phải trả cho D 4.500.000đ tiền lãi; tính từ tháng 6/2018 đến tháng 12/2019 đã trả đủ tiền lãi cho D là19 tháng với tổng số tiền là: 85.000.000đ, tuy nhiên D chỉ thừa nhận đã nhận được của chị TI 11 tháng tiền lãi, tương đương số tiền: 49.500.000đ (Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng); tiền gốc chưa trả.

Trong đó: Số tiền lãi dưới 20% theo quy định của BLDS là: 5.500.000đ;

- Số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: **44.000.000đ*(Bốn mươi tư triệu đồng)***;

Người vay thứ 2: Anh Đinh Xuân CH- sinh năm 1987, ở khu Tân Hoa, xã Đồng Thịnh, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Anh CH vay của D 03 lần:

Lần 1: Khoảng tháng01/2020, anh CH vay của D số tiền: 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng),lãi suất vay là: 6.000đ/1 triệu/1 ngày. Tính đến tháng 5/2020 anh CH đã trả cho D là5 tháng tiền lãi với tổng số tiền là: 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng); tiền gốc chưa trả. Trong đó:

- số tiền lãi dưới 20% theo quy định của BLDS là: 3.333.000đ;

- số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: **32.667.000đ*(Ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)***;

Lần 2: Khoảng tháng 02/2020, anh CH vay của D số tiền: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất vay là: 6.000đ/1 triệu/1 ngày. Tính đến tháng 5/2020 anh CH đã trả cho D là4 tháng tiền lãi với tổng số tiền là: 14.400.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng); tiền gốc chưa trả. Trong đó:

- số tiền lãi dưới 20% theo quy định của BLDS là: 1.333.000đ;

- số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: **13.067.000đ*(Mười ba triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)***;

Lần 3: Khoảng tháng03/2020, anh CH vay của D số tiền: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng),lãi suất vay là: 6.000đ/1 triệu/1 ngày. Tính đến tháng 5/2020 anh CH đã trả cho D là3 tháng tiền lãi với tổng số tiền là: 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng); tiền gốc chưa trả. Trong đó:

- số tiền lãi dưới 20% theo quy định của BLDS là: 1.250.000đ;

- số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: **12.250.000đ*(Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)***;

Người vay thứ3: Anh Đỗ Văn An- sinh năm 1974, ở khu 2, xóm Đỗ, xã Tình Cương, huyện CK, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 24/11/2018,anh A1 vay của D số tiền: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng),lãi suất vay là: 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tính đến tháng 4/2019, anh A1 đã trả

cho D là5 tháng tiền lãi với tổng số tiền là: 11.250.000đ(Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); tiền gốc chưa trả. Trong đó:

- số tiền lãi dưới 20% theo quy định của BLDS là: 1.250.000đ;

- số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: **10.000.000đ*(Mười triệu đồng)***;

Người vay thứ4: Anh Đinh Quang H- sinh năm 1975, ở khu 3, xóm Chùa, xã Hùng Việt, huyện CK, tỉnh Phú Thọ.

Tháng 9/2018,anh H vay của D số tiền: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng),lãi suất vay là: 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tính đến tháng 10/2019, anh H đã trả cho D là13 tháng tiền lãi với tổng số tiền là: 29.250.000đ(Hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); tiền gốc chưa trả. Trong đó:

- số tiền lãi dưới 20% theo quy định của BLDS là: 3.250.000đ;

- số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: **26.000.000đ*(Hai mươi sáu triệu đồng)***;

Người vay thứ5: Anh Nguyễn Văn Q- sinh năm 1992, ở khu Hùng Nhĩ, thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú Thọ.

Tháng 2/2020,anh Q vay của D số tiền: 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng),lãi suất vay là: 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Tính đến tháng 4/2020, anh Q đã trả cho D là02 tháng tiền lãi với tổng số tiền là: 39.600.000đ(Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng); tiền gốc chưa trả. Trong đó:

- số tiền lãi dưới 20% theo quy định của BLDS là: 7.333.000đ;

- số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: **32.267.000đ*(Ba mươi hai triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)***;

Người vay thứ6: Anh Trần Văn L- sinh năm 1993, ở khu 5, xã Phương Xá, huyện CK, tỉnh Phú Thọ. Anh L vay của D 02 lần:

Lần 1: Tháng04/2020, anh L vay của D số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng),lãi suất vay là: 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tính đến tháng 5/2020 anh L đã trả cho D là1,5 tháng tiền lãi với tổng số tiền là: 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng); tiền gốc chưa trả. Trong đó:

- số tiền lãi dưới 20% theo quy định của BLDS là: 125.000đ;

- số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: **1.000.000đ*(Một triệu đồng)***;

Lần 2: Tháng5/2020, anh L vay của D số tiền: 10.000.000đ (Mười triệu đồng),lãi suất vay là: 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Anh L đã trả cho D là15 ngày với số tiền là: 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng); tiền gốc chưa trả.

Trong đó: - số tiền lãi dưới 20% theo quy định của BLDS là: 83.000đ;

- số tiền lãi vượt quá 20% đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: **667.000đ*(Sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)***.

Như vậy, tổng số tiền lãi D thu được khi cho những người vay tiền với lãi suất cao là: 195.375.000đ; trong đó tiền lãi đến 20% là: 23.458.000đ; số tiền D thu lời bất chính (từ trên 20%) là:***171.917.000đ (Một trăm bảy mươi mốt triệu chín trăm mười bảy nghìnđồng)***.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời nhận tội củabị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan đến

vay tiền của bị cáo; phù hợp với vật chứng thu được và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSPT-P2 ngày 12/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn A, Hà Duy H và Nguyễn Văn TH về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáoNguyễn Văn D về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo điểm a khoản 2 Điều 170 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các bị cáo khai nhận sự chỉ đạo của bị cáo T đối với S và D không có sự chuẩn bị từ trước, không bàn bạc trao đổi, giao nhiệm vụ rõ ràng cho đàn em từ trước nên yếu tố tổ chức không chặt chẽ. Do đó, VKS tỉnh Phú Thọ căn cứ quy định tại Điều 319 BLTTHS rút một phần quyết định truy tố, không áp dụng tình tiết định khung: phạm tội "Có tổ chức" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 170 BLHS, và chỉ truy tố đối với các bị cáo ở khoản 1 Điều 170 BLHS có khung hình phạt từ 1 đến 5 năm tù. Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với tội "Cho vay lãi nặng trong GDDS". Đề nghị Hội đồng xét xử:

*** Tuyên bố:**

Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn A, Hà Duy H và Nguyễn Văn TH về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

*** Về Điều luật áp dụng và mức hình phạt:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam ngày 24/8/2020.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 10 tháng 5 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam ngày 07/5/2020, tính đến thời điểm xét xử, bị cáo S đã chấp hành xong hình phạt tù. Nên áp dụng khoản 5 Điều 328 BLTTHS, trả tự do cho bị cáo S ngay tại phiên tòa.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn A

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn A từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam ngày 07/5/2020.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hà Duy H.

Xử phạt: Bị cáo Hà Duy H từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam ngày 07/5/2020.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn TH.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn TH từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam ngày 07/5/2020.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; Khoản 2 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Điều Bộ luật hình sự đối với bị cáoNguyễn Văn D.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D từ 13 đến 16 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và từ 9 đên 12 tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tổng hợp hình chung cho cả hai tội là từ 22 đến 28 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam ngày 07/5/2020.

* Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 30.000.000đ đến 50.000.000đ sung quỹ nhà nước.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS, đề nghị:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước các đồ vật sau: 01 điện thoại Iphone 11 màu đen của S; 01 điện thoại Iphone X màu trắng của D,

Tịch thu tiêu hủy các đồ vật sau: 01 sim: 0989.165.846; sim: 0865.06.5555;

- 10 loại gậy, ống kẽm, dao, đao; gậy gỗ thu giữ trong vụ án; 01 chìa khóa xe máy Honda; 08 biển kiểm soát đã qua sử dụng;

- 01 dấu tròn của Công ty TNHH thương mại T&T Phú Thọ;

- 01 dấu có chữ Nguyễn Văn Huy; 01 CMND tên Hoàng Minh Ngọc;

Trả lại cho Công ty Mạnh Trình và các cá nhân các tài sản sau:

- 01 điện thoại Iphone 11 màu đen của S, sim: 0989.695.675;

- 01 điện thoại Iphone của Hà Duy H, sim: 0338.428.928;

- 01 điện thoại OPPO của Văn Anh, sim: 0975.627.122;

- Trả lại cho Công ty Mạnh Trình (đại diện là Lê Văn T): 01 ổ cứng lưu trữ dữ liệu camera; 01 case máy tính màu đen; 01 màn hình máy tính ACER; 01 hộp dấu tròn của Công ty Mạnh Trình; 02 dấu chức danh; 01 case máy vi tính ORIENT; 01 ổ cứng lưu dữ liệu camera HIKVISION.

Xác nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh TR số tiền 10.000.000đ là phù hợp pháp luật.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 468 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

+ Bị cáo S đã bồi thường tổn thất về tinh thần cho người bị hại là anh Nguyễn Phi TR số tiền: 20.000.000đ, cần xác nhận là hợp pháp.

+ Số tiền thu lời bất chính, tiền lãi, tiền gốc trong vụ "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" đề nghị xử lý như sau:

1. Tổng số tiền gốc D cho 06 người vay tiền là: 380.000.000đ, đây được coi là công cụ phương tiện phạm tội nên truy thu sung quỹ Nhà nước. Những người vay tiền chưa trả cho D nên truy thu từ những người vay tiền như sau:

- Truy thu của chị Vi Thị Bích TI: 30.000.000đ;

- Truy thu của anh Đinh Xuân CH: 85.000.000đ;

- Truy thu của anh Đỗ Văn An: 15.000.000đ;

- Truy thu của anh Đinh Quang H: 15.000.000đ;

- Truy thu của anh Nguyễn Văn Q: 220.000.000đ;

- Truy thu của anh Trần Văn L: 15.000.000đ.

2. Tổng số tiền lãi D thu được dưới 20% là: 23.458.380đ, làm tròn là 23.458.000đ D có được từ việc cho vay lãi bất chính nên cũng truy thu sung quỹ nhà nước.

3. Số tiền D thu lời bất chính do vượt quá mức 20% buộc D phải trả cho những người vay tiền gồm:

- Trả cho chị Vi Thị Bích TI: 43.999.989đ, làm tròn là: 44.000.000đ;

- Trả cho anh Đinh Xuân CH: 57.983.322đ, làm tròn là: 57.983.000đ;

- Trả cho anh Đỗ Văn An: 9.999.998đ, làm tròn là: 10.000.000đ;

- Trả cho anh Đinh Quang H: 25.999.994đ, làm tròn là: 26.000.000đ;

- Trả cho anh Nguyễn Văn Q: 32.266.652đ, làm tròn là: 32.266.000đ;

- Trả cho anh Trần Văn L: 1.666.666đ, làm tròn là: 1.667.000đ.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự.

* Các bị cáo đều không có tranh luận gì.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D: Nhất trí về tộ danh, điều luật áp dụng. Về hình phạt đề nghị xử bị cáo 12 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", 06 tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

* Người bị hại vắng mặt, có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và bị cáo S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận: Ngày 07/5/2020, tại khu công nghiệp Sai Nga, thuộc khu S Hà, thị trấn CK, huyện CK, tỉnh Phú Thọ, các đối tượng Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn A, Hà Duy H, Nguyễn Văn TH đã có hành vi chửi bới, đe dọa anh Nguyễn Phi TR- nhân viên của Công ty TNHH Môi TR Công nghiệp xanh, buộc anh TR phải đến Công ty TNHH thương mại Mạnh Trình thương lượng việc trích lại cho Công ty Mạnh Trình 15% giá trị hợp đồng thu gom rác thải mà Công ty Môi TR xanh thu gom tại Công ty LeehoVina, trong thời gian anh TR chưa đồng ý làm việc thì nhóm của D đã có hành vi gây áp lực không cho Công ty Môi TR xanh thực hiện việc thu gom rác thải tại Công ty LeehoVina, ngăn cản các xe rác không được ra khỏi cổng Công ty LeehoVina và khu công nghiệp Sai Nga, nếu muốn ra về thì phải trích lại cho Công ty Mạnh Trình 15% giá trị hợp đồng thu gom rác thải mà Công ty Môi TR xanh thu gom được. Quá trình thu gom rác, anh TR nhận được nhiều cuộc điện thoại từ Nguyễn Văn S, Lê Văn T và Nguyễn Văn D có nội dung đe dọa, chửi bới anh TR, buộc anh TR phải đến nói chuyện với Nguyễn Văn S về việc trích lại tiền cho Công ty Mạnh Trình. Do lo sợ ảnh hưởng đến gia đình và do các xe rác của Công ty bị nhóm người của D chặn

không cho về nên anh TR đã đồng ý gặp và nói chuyện với Nguyễn Văn S tại Công ty Mạnh Trình. Tại đây, S yêu cầu anh TR phải trích lại 15% số lượng giá trị hợp đồng thu gom rác thải Công ty Môi TR xanh đã thu gom được trong các ngày 05,06,07/5/2020, tương đương số tiền 15.000.000đ buộc anh TR phải giao nộp, nH anh TR chỉ đưa cho Nguyễn Văn S số tiền 10.000.000đ,do không đủ tiền theo yêu cầu nên S không nhận, anh TR để tiền ở bàn uống nước thì bị Cơ quan Công A1 vào bắt quả tang.

Lê Văn T đã trao đổi với Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn D, trong đó T ủy quyền cho S trực tiếp nói chuyện với anh Nguyễn Phi TR về việc trích lại % giá trị hợp đồng thu gom rác thải, còn T Điện thoại cho D cùng một số đối tượng gây áp lực, ngăn cản hoạt động của Công ty Môi TR xanh.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy về hành vi này, các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ trong nhóm. Do đó không áp dụng tình tiết định khung là phạm tội có tổ chức đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện VKS là phù hợp.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ rút một phân truy tố về tình tiết "Có tổ chức". Truy tố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn A, Hà Duy H và Nguyễn Văn TH về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự phù hợp với pháp luật.

Do đó, hành vi của Lê Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn A, Hà Duy H, Nguyễn Văn TH vàNguyễn Văn Dđã phạm vào tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự theo như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa là đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Ngoài hành vi nêu trên, Nguyễn Văn D còncó hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất cao để lấy tiền chi tiêu cá nhân.Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2018 đếntháng 5/2020, D đã cho những người sau vay tiền:

- Chị Vi Thị Bích TI vay của D số tiền: 30.000.000đ, lãi suất: 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi chị TI đã trả cho D mà Cơ quan điều tra chứng minh được là: 49.500.000đ.

- Anh Đinh Xuân CH vay của D số tiền: 85.000.000đ,lãi suất: 6.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi anh CH đã trả là: 63.900.000đ.

- Anh Đỗ Văn A1 vay của D số tiền: 15.000.000đ,lãi suất: 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi anh A1 đã trả là: 11.250.000đ.

- Anh Đinh Quang H vay của D số tiền: 15.000.000đ,lãi suất: 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi anh H đã trả là: 29.250.000đ.

- Anh Nguyễn Văn Q vay của D số tiền: 220.000.000đ,lãi suất: 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng tiền lãi anh Q đã trả cho D là: 39.600.000đ.

- Anh Trần Văn L: vay của D tổng số tiền: 15.000.000đ,lãi suất vay là: 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi đã trả là: 1.875.000đ.

Tổng số tiền lãi D thu được khi cho những người vay tiền với lãi suất cao là: 195.375.000đ; trong đó tiền lãi đến 20% là: 23.458.000đ; số tiền D thu lời bất chính (từ trên 20%) là:***171.917.000đ (Một trăm bảy mươi mốt triệu chín trăm mười bảy nghìnđồng)***.

Như vậy, xác định số tiền thu lời bất chính của D trong vụ án này là:***171.917.000đ (Một trăm bảy mươi mốt triệu chín trăm mười bảy nghìnđồng)***.

Hành vi của bị cáo**Nguyễn Văn D** cho người khác vay tiền với lãi suất cao, mức: 3.000đ-6.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 0,3%/1 ngày, vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (0,27777%/ngày); thu lời bất chính trên 30.000.000đ (vượt quá khoản tiền vi phạm từ 20%/năm trở lên của khoản vay). Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 201 Bộ luật Hình sự thì hành vi của bị cáo***Nguyễn Văn D*** đãphạm vào tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" là đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2]Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội,dùng thủ đoạn đe dọa, uy hiếp tinh thần người bị hại và gia đình, cản trở việc làm ăn của Công ty Môi TR xanh nhằm chiếm đoạt tài sản. Đồng thời, hành vi của các bị cáo trong vụ án còn gây mất trật tự trị A1 trên địa bàn, làm ảnh hưởng lớn đến môi TR kinh doanh lành mạnh của các doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài trên địa bàn huyện CK nói riêng và địa bàn tỉnh Phú Thọ nói chung trong khi các cấp ủy Đảng và chính quyền của tỉnh đang có những chính sách để thu hút đầu tư cho tỉnh Phú Thọ nhằm phát triển kinh tế xã hội. Vì vậy cần xử phạtmức hình phạt nghiêm khắcnhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Hành vi của Nguyễn Văn D cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước trong giao dịch dân sự, gây mất trật tự trị A1 trên địa bàn cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[3]Xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

* Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Lê Văn T là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ đạo cho Nguyễn Văn S trực tiếp thực hiện việc yêu cầu anh Nguyễn Phi TR phải trích lại 15% giá trị hợp đồng thu gom rác thải tại Công ty LeehoVina. T chỉ đạo Nguyễn Văn D, sau đó D đã tập hợp một nhóm người gồm: Hà Duy H, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn TH, Nguyễn Đình Nhất đến hỗ trợ việc đe dọa, gây sức ép, cản chở các xe chở rác ra ngoài. Do đó, T phải chịu TNHS nặng hơn so với các đồng phạm trong vụ án. S và D là người trực tiếp thực hiện hành vi tội phạm có vai trò nhẹ hơn. Các bị cáo Văn Anh, H, TH là các đối tượng giúp sức cho các bị cáo trên thực hiện hành vi của mình, nên các bị cáo chịu TNHS nhẹ hơn so với các bị cáo khác.

Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹcủa các bị cáo.

*** Về tình tiết tăng nặngtrách nhiệm hình sự:**

Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn A không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo Nguyễn Văn D cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao nên đối với tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng TNHS là "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo Hà Duy H và Nguyễn Văn TH có 01 tiền án nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

*** Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- Đối với bị cáo Lê Văn T: Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; Bị cáo ra đầu thú; Bị cáo có nhiều công lao đóng góp cho địa phương nhất là việc ủng hộ địa phương trong phong trào phòng chống dịch COVID - 19. Nên được Ủy ban nhân dân xã K, huyện CK, tỉnh Phú Thọ có nhiều công văn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Với vai trò của bị cáo nên xử bị cáo hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm để làm gương.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn D: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình bị cáo có người thân có công với cách mạng được tặng thưởng huân huy chương nên được hưởng tìnhtiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức tích cực ở tội "Cưỡng đoạt tài sản". Do đó áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt đối với từng tội. Đồng thời tổng hợp hình phạt theo Điều 55 BLHS.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn S: Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; Bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại; Bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng; Bị cáo có nhiều công lao đóng góp cho địa phương nhất là việc ủng hộ địa phương trong phong trào phòng chống dịch COVID - 19. Nên được Ủy ban nhân dân xã K, huyện CK, tỉnh Phú Thọ có nhiều công văn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo hình phạt tù có thời hạn dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn A, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có người thân có công với cách mạng được tặng thưởng huân huy chương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Đối với các bị cáo Hà Duy H và Nguyễn Văn TH: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình các bị cáo đều có người thân có công với cách mạng được tặng thưởng huân huy chương nên được hưởng tìnhtiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức và không được hưởng lợi gì do đó áp dụng hình phạt tù có thời hạn ở mức khởi điểm của khung hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn D: phạt bị cáo D 1 khoản tiền để sung quỹ Nhà nước; Đối với các bị cáo còn lại: cơ quan điều tra đã xác minh xác định các bị cáo không có tài sản gì ngoài các đồ dùng cá nhân. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền và hình phạt bổ sung khác đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Đối với Nguyễn Đình Nhất, sinh năm 2000, ở thôn Nam, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội (còn gọi là "đầu to") là người cùng tham gia

với nhóm của D, tuy nhiên, vai trò của Nhất chưa rõ trong vụ án, mặt khác, Nhất không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với chiếc xe ô tô bán tải Nisan Navara, BKS: 29C-120.91 và các giấy tờ kèm theo theo lời khai của D đây là xe của chị Đỗ Thúy Nga- sinh năm 1969, ở Phố Mới, thành phố Lào Cai,chị Nga vay tiền của D và để lại chiếc xe này, Cơ quan điều tra chưa tiến hành lấy lời khai của chị Nga được nên tách ra giải quyết bằng vụ việc khác.

Đối với chiếc xe ô tô bán tải Ford Ranger, BKS: 19C-108.01 và xe ô tô Fortuner, BKS: 19A-190.07 và các giấy tờ kèm theo mang tên Nguyễn Văn S, hiện đều được thế chấp tại Ngân hàng. Xe Fortuner S mua cho vợ là chị Lê Thị V2 đi lại; còn chiếc xe Ford Ranger, S đã bán cho Lê Khánh Trình vào tháng 5/2018 nH không viết giấy tờ gì. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị V2 và anh Trình là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Đối với hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" của bị cáo Nguyễn Văn D: Cần buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo D chưa trả của vì đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội của bị cáo.

- Số tiền bị cáo do thu lời bất chính (là khoản tiền lãi dưới 20%) cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khoản tiền lãi vượt quá 20% theo quy định của pháp luật.

*** Về xử ly vật chứng:**

Đối với các tài sản dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu huỷ. Đối với các tài sản xác định được chủ sở hữu cần trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D là phù hợp nên chấp nhận.

[9]Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự.

[10]Các quyết định củacơ quan cảnh sát điều tra; Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên;Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đã đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật. Người bào chữa thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn A, Hà Duy H và Nguyễn Văn TH về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

[2]Về Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam ngày 24/8/2020

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 10 (Mười) tháng 5 (Năm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 07/5/2020.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, tính đến thời điểm xét xử, bị cáo S đã chấp hành xong hình phạt tù, trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn S ngay tại phiên tòa.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn A.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn A 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 07/5/2020.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Căn cứ khoản a Điều 170; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hà Duy H.

Xử phạt: Bị cáo Hà Duy H12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 07/5/2020.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn TH.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn TH 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 07/5/2020.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; Khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáoNguyễn Văn D.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 13 (Mười ba) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và 09 (Chín) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tổng hợp hình chung cho cả hai tội là 22 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam07/5/2020.

[3] Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn D 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

[4] Về Xử lý vật chứng:Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

* Tịch thu sung quỹ nhà nước gồm:

- 01 điện thoại Iphone 11 màu đen của S (điện thoại có chứa sim: 0989.165.846)

- 01 điện thoại Iphone X màu trắng của D (điện thoại có chứa sim: 0865.06.5555)

* Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 sim 0989165846 của S; 01 sim 0865065555 của D

- 02 con dao dạng đao dài 0,88m, phần lưỡi bằng kim loại dài 0,59m, chỗ rộng nhất 0,08m, chỗ hẹp 0,03m, lưỡi dao sắc, phần chuôi bằng gỗ hình trụ tròn dài 0,29m;

- 01 ống kẽm hình trụ tròn dài 1m, đường kính 0,025m có 02 đầu bằng;

- 02 ống kẽm kim loại hình dạng giống nhau màu xám dài 01m, đường kính 0,02m, một đầu bằng, một đầu vát nhọn;

- 02 (hai) ống kim loại hình trụ tròn màu xám, tổng chiều dài 1,5m, đường kính 0,25m một đầu bằng, một đầu được hàn một con dao, dạng dao bầu chọc tiết lợn, dao dài 0,22m, lưỡi dao sắc, chỗ rộng nhất 0,07m, mũi dao nhọn;

- 01 con dao dạng đao dài 0,88m, phần lưỡi bằng kim loại dài 0,59m, chỗ rộng nhất 0,08m, chỗ hẹp 0,03m, lưỡi dao sắc, phần chuôi bằng gỗ hình trụ tròn dài 0,29m;

- 01 gậy bong chày dài khoảng 68cm;

- 08 biển kiểm soát đã qua sử dụng, gồm: 02 chiếc 19D-015.72; 02 chiếc 29C-938.66; 02 chiếc 29C-938.68; 01 chiếc 19H1-138.61; 01 chiếc 61D1-297.62;

- 01 dao phóng lợn gắn tuýp sắt dài 1,6m;

- 02 đoạn gậy gỗ dài 40cm;

- 01 chìa khóa xe máy Honda.

- 01 dấu tròn màu đỏ của Công ty TNHH thương mại T&T Phú Thọ;

- 01 chứng minh nhân dân tên Hoàng Minh Ngọc;

- 01 con dấu màu đỏ có chữ Giám đốc Nguyễn Văn Huy;

* Trả lại cho Công ty TNHH thương mại Mạnh Trình và các cá nhân các tài sản gồm:

- 01 điện thoại Iphone 11 màu đen của S, sim: 0989.695.675.

- 01 điện thoại Iphone của Hà Duy H, sim: 0338.428.928.

- 01 điện thoại OPPO của Văn Anh, sim: 0975.627.122.

- 01 ổ cứng lưu trữ dữ liệu camera màu trắng, nhãn hiệu HIKVISION, số seri D14045177;

- 01 case máy tính màu đen nhãn hiệu SOHOO;

- 01 màn hình máy tính màu đen nhãn hiệu ACER, seri số 925001762325;

- 01 hộp dấu tròn của Công ty TNHH thương mại Mạnh Trình;

- 01 dấu chức danh Giám đốc Lê Văn T;

- 01 dấu chức danh Phó Giám đốc Nguyễn Văn S;

- 01 case máy vi tính ký hiệu ORIENT màu đen;

- 01 ổ cứng lưu dữ liệu camera màu trắng nhãn hiệu HIKVISION, số seri 665554227 đã qua sử dụng.

Xác nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh TR số tiền 10.000.000đ là phù hợp pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 468 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

+ Bị cáo S đã bồi thường tổn thất về tinh thần cho người bị hại là anh Nguyễn Phi TR số tiền: 20.000.000đ, cần xác nhận là hợp pháp.

+ Số tiền thu lời bất chính, tiền lãi, tiền gốc trong vụ "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" đề nghị xử lý như sau:

1. Tổng số tiền gốc D cho 06 người vay tiền là: 380.000.000đ, đây được coi là công cụ phương tiện phạm tội nên truy thu sung quỹ Nhà nước. Những người vay tiền chưa trả cho D nên truy thu từ những người vay tiền như sau:

- Truy thu của chị Vi Thị Bích TI: 30.000.000đ;

- Truy thu của anh Đinh Xuân CH: 85.000.000đ;

- Truy thu của anh Đỗ Văn An: 15.000.000đ;

- Truy thu của anh Đinh Quang H: 15.000.000đ;

- Truy thu của anh Nguyễn Văn Q: 220.000.000đ;

- Truy thu của anh Trần Văn L: 15.000.000đ.

2. Tổng số tiền lãi D thu được dưới 20% là: 23.458.380đ, làm tròn là 23.458.000đ D có được từ việc cho vay lãi bất chính nên cũng truy thu sung quỹ nhà nước.

3. Số tiền D thu lời bất chính do vượt quá mức 20% buộc D phải trả cho những người vay tiền gồm:

- Trả cho chị Vi Thị Bích TI: 43.999.989đ, làm tròn là: 44.000.000đ;

- Trả cho anh Đinh Xuân CH: 57.983.322đ, làm tròn là: 57.983.000đ;

- Trả cho anh Đỗ Văn An: 9.999.998đ, làm tròn là: 10.000.000đ;

- Trả cho anh Đinh Quang H: 25.999.994đ, làm tròn là: 26.000.000đ;

- Trả cho anh Nguyễn Văn Q: 32.266.652đ, làm tròn là: 32.266.000đ;

- Trả cho anh Trần Văn L: 1.666.666đ, làm tròn là: 1.667.000đ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Điều 23, khoản 1 Điều 27Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Nguyễn Văn D còn phải chịu 8.595.900đ (tám triệu năm trăm chín lăm nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặtđược quyền kháng cáo.Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quanvắng mặtđược quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án tại nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án Cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận
-VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- PC 01Công A1 tỉnh Phú Thọ;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam;
- TB: UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Bị hại; Người TGTT;
- Lưu: HS, AV;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Văn Thành